TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/DS-PT.
Ngày: 11-6-2020.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**;

Bà **Nguyễn Thị Liên**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thị Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam***: Bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2020/QĐPT-DS ngày 07 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số 14 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 308 đường L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Bùi Bá D** là Luật sư của Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày: Ngày 23/02/2018, bà Phạm Thị Thu T mượn của bà số tiền 1.740.000.000 đồng, thời hạn mượn đến ngày 23/3/2018; tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ nhưng bà T không trả. Ngày 29/01/2019, hai bên đã công chứng hợp đồng mượn tiền nêu trên nhưng lại ghi nhầm số tiền mượn thành 1.750.000.000 đồng. Do vậy, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Thu T trả cho bà số tiền 1.740.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cho rằng đã trả cho bà được số tiền 125.000.000 đồng nên hiện nay còn nợ 1.615.000.000 đồng. Bà thừa nhận bà T đã trả được số tiền 125.000.000 đồng nên hiện nay bà chỉ yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ là 1.615.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 23/02/2018 và hợp đồng công chứng ngày 29/01/2019.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Thu T trình bày: Trong quá trình làm ăn, bà đã nhiều lần mượn tiền của bà P và hai bên đã chốt nợ, có công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ ngày 29/01/2019 với số tiền 1.750.000.000 đồng. Hợp đồng công chứng này có kèm theo giấy mượn tiền đề ngày 23/02/2018 mà bà P làm chứng cứ gửi đơn khởi kiện. Sau khi công chứng số tiền nợ 1.750.000.000 đồng, bà đã 04 lần trả nợ cho bà P với số tiền 125.000.000 đồng. Nay, bà thừa nhận còn nợ bà P số tiền 1.615.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 23/02/2018 và hợp đồng công chứng ngày 29/01/2019. Tuy nhiên, bà không đồng ý trả nợ với lý do ngoài khoản nợ bà P khởi kiện bà, trong quá trình làm ăn trước đây bà có mượn tiền của bà P nhiều lần và đã trả xong nhưng bà không lấy lại giấy mượn tiền nên nay bà yêu cầu bà P chốt nợ cho bà là ngoài khoản nợ 1.615.000.000 đồng này ra, bà không còn nợ bà P khoản tiền nào khác.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng các Điều 26, 35, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 401, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn bà Phạm Thị Thu T. Buộc bà Phạm Thị Thu T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 1.615.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/12/2019, bị đơn bà Phạm Thị Thu T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Bà Phạm Thị Thu T thừa nhận hiện nay bà còn nợ của bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 1.615.000.000 đồng và Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T trả cho bà P số tiền trên là đúng. Tuy nhiên, bà P không chốt lại ngoài khoản nợ

1.615.000.000 đồng này ra, bà T không còn nợ bà P khoản tiền nào khác, điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi sau này của bà T. Bà P cũng đã thừa nhận Hợp đồng mượn tiền được công chứng vào ngày 29/01/2019 là thay thế cho Giấy mượn tiền ngày 23/02/2018. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính pháp lý của Hợp đồng mượn tiền được công chứng vào ngày 29/01/2019 tại Văn phòng Công chứng Đ, vì việc công chứng hợp đồng là không đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Phạm Thị Thu T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Thu T và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thì thấy:

[2.1] Tại "Giấy mượn tiền" ngày 23/02/2018, thể hiện bà T có vay của bà P số tiền 1.740.000.000 đồng, thời hạn vay là từ ngày 23/02/2018 đến ngày 23/3/2018. Tuy nhiên, khi đến hạn bà T không trả được tiền cho bà P nên ngày 29/01/2019 cả hai bên đã đến Văn phòng Công chứng Đ để công chứng Hợp đồng mượn tiền, nhưng ghi nhầm số tiền là 1.750.000.000 đồng; điều này cũng đã được bà T và bà P thừa nhận.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và bà P đã thỏa thuận, thống nhất chốt khoản nợ nêu trên còn lại là 1.615.000.000 đồng *(do bà T đã trả được số tiền 125.000.000 đồng)* và bà P yêu cầu bà T phải trả cho bà toàn bộ số tiền này, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc vay tài sản giữa bà T và bà P là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật. Do bà T không trả lại số tiền đã vay nên bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả số

tiền 1.615.000.000 đồng và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Việc bà T lấy lý do bà P không chốt lại ngoài khoản nợ 1.615.000.000 đồng này ra thì bà T không còn nợ bà P khoản tiền nào khác để không đồng ý trả nợ cho bà P là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, ngoài số tiền 1.615.000.000 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải trả cho bà P, bà T có còn nợ bà P khoản tiền nào khác nữa hay không thì không liên quan đến việc giải quyết vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Thu T cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tại phiên tòa, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị Thu T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Thu T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 147, 148 và 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 401, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P đối với bà Phạm Thị Thu T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" .

Buộc bà Phạm Thị Thu T trả cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 1.615.000.000 *(Một tỷ sáu trăm mười lăm triệu)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu T phải chịu 60.450.000 *(Sáu mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn)* đồng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.100.000 *(Ba mươi hai triệu một trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0001226 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp

theo biên lai thu số 0000089 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án *(11/6/2020)*.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo